

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Xuân Lũng	Chủ tịch
Ông Phùng Tuấn Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Sĩ Đàm	Ủy viên
Ông Lê Thuận Khương	Ủy viên
Ông Phạm Quang Huy	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Tuấn Hà	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sĩ Long	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Vũ Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Số: 636 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 15 tháng 3 năm 2013, từ trang 03 đến trang 35. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”). Thông tư 179 thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 201”). Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 15 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3.653.796.151.783	3.314.288.464.552
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.129.910.129.741	363.906.568.157
1. Tiền	111		291.383.755.869	291.890.033.431
2. Các khoản tương đương tiền	112		838.526.373.872	72.016.534.726
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.376.791.095	19.046.791.095
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	49.900.000.000	50.570.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	7	(31.523.208.905)	(31.523.208.905)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.299.536.975.284	1.445.851.559.019
1. Phải thu khách hàng	131		1.006.604.762.322	963.101.500.297
2. Trả trước cho người bán	132		216.481.346.136	379.499.820.304
3. Các khoản phải thu khác	135		96.603.783.020	120.616.168.568
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(20.152.916.194)	(17.365.930.150)
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.024.471.422.107	1.292.187.642.847
1. Hàng tồn kho	141		1.042.742.250.694	1.296.792.584.409
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.270.828.587)	(4.604.941.562)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		181.500.833.556	193.295.903.434
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.400.557.454	1.135.688.705
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		172.195.337.932	186.412.211.162
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		113.520.964	544.734.276
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.791.417.206	5.203.269.291
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		612.852.087.962	796.074.171.452
I. Tài sản cố định	220		308.785.645.486	373.564.194.468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	172.253.988.303	230.752.533.102
- Nguyên giá	222		347.759.292.547	375.953.711.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(175.505.304.244)	(145.201.178.121)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	119.459.744.589	117.949.552.223
- Nguyên giá	228		121.916.073.849	119.718.885.796
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.456.329.260)	(1.769.333.573)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	17.071.912.594	24.862.109.143
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		37.611.862.007	156.394.879.631
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	35.611.862.007	44.394.879.631
2. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		2.000.000.000	112.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		266.454.580.469	266.115.097.353
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	259.062.096.439	263.580.624.583
2. Tài sản dài hạn khác	268		7.392.484.030	2.534.472.770
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4.266.648.239.745	4.110.362.636.004

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 35 là một bộ phận một hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.936.239.178.771	2.824.642.259.245
I. Nợ ngắn hạn	310		2.889.929.815.099	2.739.211.749.113
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	1.417.697.056.351	1.389.250.865.571
2. Phải trả người bán	312		820.257.149.427	564.933.990.241
3. Người mua trả tiền trước	313		326.958.331.216	401.270.350.510
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	59.069.936.942	79.389.154.802
5. Phải trả người lao động	315		108.418.177.670	80.937.671.579
6. Chi phí phải trả	316		8.121.828.868	11.158.612.125
7. Phải trả nội bộ	317		-	9.410.478.071
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		79.518.002.129	146.494.234.973
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		69.889.332.496	56.366.391.241
II. Nợ dài hạn	330		46.309.363.672	85.430.510.132
1. Phải trả dài hạn khác	333		46.309.363.672	36.518.044.319
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	45.674.675.266
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	3.237.790.547
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.241.214.005.483	1.212.217.645.077
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.241.214.005.483	1.212.217.645.077
1. Vốn điều lệ	411		698.420.000.000	698.420.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128.358.940.301	128.358.940.301
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		42.911.651.986	33.678.648.352
4. Cổ phiếu quỹ	414		(9.150.605.990)	(9.150.605.990)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	17.626.480.239
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		95.775.705.900	68.669.949.370
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		580.799.271	839.728.344
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		284.317.514.015	273.774.504.461
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	18	89.195.055.491	73.502.731.682
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		4.266.648.239.745	4.110.362.636.004

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	-	984.907.919
2. Ngoại tệ các loại		
- USD	2.435.478	501.299
- EUR	105	-
- GBP	205	-

Cao Thanh Hùng
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

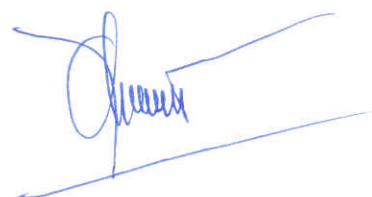
Đào Văn Đại
Kế toán trưởngPhùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 35 là một bộ phận một hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		10.448.000.089.865	10.655.420.376.827
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		294.200.298.314	334.750.565.520
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		10.153.799.791.551	10.320.669.811.307
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		9.393.586.873.477	9.321.311.801.799
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		760.212.918.074	999.358.009.508
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	80.181.199.937	91.153.329.969
7. Chi phí tài chính	22	22	144.768.503.508	308.245.976.232
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		103.154.269.027	157.036.923.986
8. Chi phí bán hàng	24		201.421.775.370	238.149.272.889
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		218.046.508.218	226.464.439.205
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		276.157.330.915	317.651.651.151
11. Thu nhập khác	31	23	49.801.750.941	113.447.626.141
12. Chi phí khác	32		22.413.857.740	28.279.228.516
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		27.387.893.201	85.168.397.625
14. Lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45		2.362.998.920	3.905.209.555
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		305.908.223.036	406.725.258.331
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	93.344.172.604	101.716.691.368
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	24	-	12.200.968.137
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		212.564.050.432	292.807.598.826
Trong đó:				
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		24.758.000.816	7.410.708.848
Lợi ích của cổ đông của Tổng Công ty	62		187.806.049.616	285.396.889.978
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.720	4.107



Cao Thanh Hùng
 Người lập biểu

Ngày 15 tháng 3 năm 2013



Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 35 là một bộ phận một hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>305.908.223.036</i>	<i>406.725.258.331</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	33.925.233.703	32.803.438.634
Các khoản dự phòng	03	16.452.873.069	(9.620.349.275)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(39.774.610.822)	(48.852.654.927)
Chi phí lãi vay	06	103.154.269.027	157.036.923.986
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>419.665.988.013</i>	<i>538.092.616.749</i>
Biến động các khoản phải thu	09	118.971.496.184	(140.237.561.578)
Biến động hàng tồn kho	10	253.411.005.554	307.718.039.875
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(176.702.307.313)	(32.646.746.486)
Biến động chi phí trả trước	12	2.170.691.757	33.486.450.756
Tiền lãi vay đã trả	13	(149.698.208.407)	(153.099.764.196)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(80.731.233.831)	(132.017.909.433)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>387.087.431.957</i>	<i>421.295.125.687</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(24.745.808.650)	(88.286.333.560)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.215.053.908	2.588.671.061
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(20.069.879.631)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	146.075.353.820	31.193.000.000
5. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	39.774.610.822	48.852.654.927
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>162.319.209.900</i>	<i>(25.721.887.203)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(6.338.605.990)
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.132.180.693.236	4.970.603.563.819
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.791.288.157.509)	(5.399.723.375.741)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(124.295.616.000)	(111.297.279.400)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>216.596.919.727</i>	<i>(546.755.697.312)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>766.003.561.584</i>	<i>(151.182.458.828)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	363.906.568.157	533.465.818.080
Ảnh hưởng khác			(18.376.791.095)
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>1.129.910.129.741</i>	<i>363.906.568.157</i>



Cao Thanh Hùng
 Người lập biểu

Ngày 15 tháng 3 năm 2013



Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 35 là một bộ phận một hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 13 số 0300452060 ngày 27 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.682 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.487).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: mua bán thiết bị viễn thông; đại lý du lịch; chế biến, mua bán nước sinh hoạt; sản xuất cồn thực phẩm, cồn công nghiệp, cồn nhiên liệu; kinh doanh chiết nạp khí hóa lỏng (không hoạt động tại trụ sở); cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng; kinh doanh nhà ở, văn phòng đại diện, kinh doanh bất động sản; mua bán thực phẩm, nhu yếu phẩm, hải sản; chế biến nông sản, lương thực (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở); mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, vật tư, trang thiết bị văn phòng, thiết bị nghe nhìn, máy móc, thiết bị phục vụ vệ sinh công nghiệp; linh kiện sử dụng cho vỏ bình khí; bán buôn máy thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; dịch vụ vui chơi giải trí (trừ karaoke, tổ chức đánh bạc); xây dựng nhà các loại; kinh doanh xăng dầu; điều hành tour du lịch; hoạt động xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; sản xuất thức ăn gia súc (không hoạt động tại trụ sở); vệ sinh khu nhà và các công trình; quản lý bất động sản; cho thuê phương tiện vận tải; mua bán nông sản; mua bán lương thực; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn phân đạm, hóa chất dùng trong công nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại mạnh); mua bán nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); bán buôn nhựa tổng hợp, chất dẻo dạng nguyên sinh, hóa chất công nghiệp, tơ, sợi dệt; mua bán phương tiện vận tải, xe chuyên dùng; đại lý mua bán hàng hóa; sản xuất vỏ bình khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; duy tu, sửa chữa, gia công cơ khí - điện - nước và chống ăn mòn kim loại (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); đào tạo nghề; sản xuất nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; đại lý làm thủ tục hải quan; đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan đến hậu cần; dịch vụ kiểm đếm, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ môi giới hàng hải; vận tải đa phương thức quốc tế; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải); kinh doanh khách sạn; chế biến hải sản (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống, gây ô nhiễm môi trường tại trụ sở); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; lắp đặt các công trình dầu khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); sửa chữa máy móc, thiết bị; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ radio, cassette, tivi, loa, thiết bị âm thanh nổi, máy nghe nhạc, đầu video, đầu đĩa CD, DVD.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25 - 33
Tài sản cố định khác	25 - 33

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải tính khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh phát sinh khi thực hiện xác định giá trị các công ty con để chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty TNHH sang công ty cổ phần, các khoản trả trước tiền thuê văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi thực hiện xác định giá trị các công ty con để chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty TNHH sang công ty cổ phần đối với Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA), Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (Petrosetco Vũng Tàu) và Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT) với số tiền tương ứng là 6.006.130.380 VND, 12.595.093.168 VND và 33.235.767.000 VND. Lợi thế kinh doanh phát sinh tại các đơn vị trên được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian tương ứng là 3 năm, 5 năm và 10 năm.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng bao gồm:

- Khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.
- Khoản trả trước một phần cho Viện Dầu khí Việt Nam để thuê 568 m² sàn tại tầng 15, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội trong thời gian 50 năm kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, tiền thuê kho Hồ Nai - Đồng Nai và tiền thuê đất trả trước tại Vũng Tàu được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư chưa lập dự phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ tăng 17.626.480.239 VND và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm 17.626.480.239 VND và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ không có số dư. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2012, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	2.761.669.202	8.762.135.118
Tiền gửi ngân hàng	288.622.086.667	283.127.898.313
Các khoản tương đương tiền	838.526.373.872	72.016.534.726
	<u>1.129.910.129.741</u>	<u>363.906.568.157</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí (i)	39.500.000.000	39.500.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	10.400.000.000	10.400.000.000
Dầu khí (i)		
Đầu tư ngắn hạn khác	-	670.000.000
	<u>49.900.000.000</u>	<u>50.570.000.000</u>

(i) Theo Quyết định số 313/QĐ-DVTHDK-HĐQT và số 314/QĐ-DVTHDK-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2011, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty quyết định sẽ giải thể Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí ("Petrosetco Thương mại") và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("Petrosetco Sài Gòn") kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. Hiện tại, Petrosetco Thương mại và Petrosetco Sài Gòn đang trong quá trình quyết toán với cơ quan Thuế để hoàn thiện các thủ tục cho việc giải thể doanh nghiệp, năm 2012 không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, giá trị khoản đầu tư vào Petrosetco Thương mại và Petrosetco Sài Gòn sẽ được trình bày tại khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" - mã số 121 thay vì khoản mục "Đầu tư vào công ty con" - mã số 251 trên bảng cân đối kế toán.

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí	29.882.192.415	29.882.192.415
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	1.641.016.490	1.641.016.490
Dầu khí		
	<u>31.523.208.905</u>	<u>31.523.208.905</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	120.248.887.628	129.123.041.825
Nguyên liệu, vật liệu	14.949.014.186	6.794.526.302
Công cụ, dụng cụ	643.584.974	1.061.467.761
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	92.069.432
Thành phẩm	129.849.756	161.143.651
Hàng hoá	717.557.663.574	1.117.998.968.164
Hàng gửi bán	189.213.250.576	41.561.367.274
Cộng	<u>1.042.742.250.694</u>	<u>1.296.792.584.409</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.270.828.587)	(4.604.941.562)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>1.024.471.422.107</u>	<u>1.292.187.642.847</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	176.099.417.727	99.219.380.371	83.835.091.765	14.564.292.350	2.235.529.010	375.953.711.223
Mua trong năm	682.261.487	6.287.907.726	5.878.353.653	2.349.775.796	-	15.198.298.662
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	16.806.692.045	-	-	-	-	16.806.692.045
Tăng khác	4.328.774.751	70.682.000	1.080.785.474	967.065.205	-	6.447.307.430
Thanh lý	-	(376.368.295)	(3.841.881.264)	(633.723.783)	(25.913.182)	(4.877.886.524)
Giảm tài sản tại PSP (i)	(29.969.274.116)	(24.955.922.785)	(2.399.990.326)	(256.266.911)	-	(57.581.454.138)
Giảm khác	(3.854.517.825)	(83.047.181)	-	(249.811.145)	-	(4.187.376.151)
Tại ngày 31/12/2012	164.093.354.069	80.162.631.836	84.552.359.302	16.741.331.512	2.209.615.828	347.759.292.547
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	51.285.215.080	40.724.308.999	43.396.017.198	9.663.655.743	131.981.101	145.201.178.121
Khấu hao trong năm	7.301.561.947	9.887.343.609	12.466.825.617	3.515.209.201	37.337.552	33.208.277.926
Tăng khác	3.536.560.780	31.806.896	1.080.785.474	922.956.510	-	5.572.109.660
Thanh lý	-	(307.828.953)	(2.693.881.788)	(633.723.783)	(27.398.092)	(3.662.832.616)
Giảm tài sản tại PSP (i)	(418.527.302)	(628.778.400)	(180.026.154)	(55.380.752)	-	(1.282.712.608)
Giảm khác	(2.961.825.953)	(516.175.264)	-	(52.715.022)	-	(3.530.716.239)
Tại ngày 31/12/2012	58.742.984.552	49.190.676.887	54.069.720.347	13.360.001.897	141.920.561	175.505.304.244
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	105.350.369.517	30.971.954.949	30.482.638.955	3.381.329.615	2.067.695.267	172.253.988.303
Tại ngày 31/12/2011	124.814.202.647	58.495.071.372	40.439.074.567	4.900.636.607	2.103.547.909	230.752.533.102

(i) Tổng Công ty đã chuyển nhượng phần vốn góp tương ứng với 2.040.000 cổ phần (51% vốn điều lệ) tại Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP) cho Công ty Cổ phần Phân đạm Cà Mau theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 27/2012/PETROSETCO/PVCFC ngày 22 tháng 10 năm 2012. Việc chuyển nhượng đã hoàn thành trong tháng 12 năm 2012.

Nguyên giá các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 54.214.857.471 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 23.987.472.521 VND).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	117.531.740.646	2.187.145.150	119.718.885.796
Tăng trong năm	1.875.894.053	352.739.000	2.228.633.053
Giảm khác	-	(31.445.000)	(31.445.000)
Tại ngày 31/12/2012	119.407.634.699	2.508.439.150	121.916.073.849
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	283.000.940	1.486.332.633	1.769.333.573
Khấu hao trong năm	220.909.313	496.046.464	716.955.777
Giảm khác	-	(29.960.090)	(29.960.090)
Tại ngày 31/12/2012	503.910.253	1.952.419.007	2.456.329.260
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	118.903.724.446	556.020.143	119.459.744.589
Tại ngày 31/12/2011	117.248.739.706	700.812.517	117.949.552.223

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2012	2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	24.862.109.143	7.714.274.339
Tăng trong năm	9.547.509.988	92.349.875.597
Kết chuyển sang tài sản cố định	16.806.692.045	70.018.647.358
Giảm khác	531.014.492	5.183.393.435

Chi tiết theo công trình:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công trình Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Dung Quất	-	12.026.732.325
Dự án Petrosetco Tower Thanh Đa	16.349.341.923	11.581.791.655
Dự án Nhà máy Sản xuất Bao bì	-	513.287.219
Các công trình khác	722.570.671	740.297.944
	17.071.912.594	24.862.109.143

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phân phối Tổng hợp Dầu khí	Tp. HCM	94,67%	94,67%	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Tp. HCM	100%	100%	Thương mại, dịch vụ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	70%	70%	Cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	89%	89%	Thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Hà Nội	88,2%	88,2%	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	Tp. HCM	51%	51%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	Tp. HCM	50%	50%	Thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm

Tổng Công ty sở hữu 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh, tuy nhiên, Tổng Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của công ty này (3/5 thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này là người đại diện của Tổng Công ty). Theo đó, Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh vẫn thuộc sự kiểm soát của Tổng Công ty.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	18.410.012.180	18.896.654.390
Công ty TNHH Dịch vụ Giáo dục Dầu khí Dreamhouse	-	245.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí FGAS	-	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lộc Việt	-	2.000.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	17.201.849.827	15.753.225.241
	35.611.862.007	44.394.879.631

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	Quảng Ngãi	30	30	Quản lý và khai thác nhà ở
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Bà Rịa-Vũng Tàu	24	24	Dịch vụ cho thuê văn phòng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	176.372.341.428	176.592.976.755
Chênh lệch đánh giá lại tài sản (ii)	36.147.712.964	43.992.351.756
Chi phí trả trước dài hạn khác	46.542.042.047	42.995.296.072
	259.062.096.439	263.580.624.583

(i) Bao gồm các khoản sau:

- Khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.
- Khoản trả trước một phần cho Viện Dầu khí Việt Nam để thuê 568 m² sàn tại tầng 15, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173, phố Trung Kinh, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội trong thời gian 50 năm kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- (ii) Khi thực hiện đánh giá lại giá trị tài sản để phục vụ mục đích chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty TNHH MTV sang công ty cổ phần đối với Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu và Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung, khoản lợi thế kinh doanh phát sinh với số tiền tương ứng là 6.006.130.380 VND, 12.595.093.168 VND và 33.235.767.000 VND. Tổng Công ty phản ánh giá trị lợi thế kinh doanh này trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" và thực hiện phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian tương ứng là 3 năm, 5 năm và 10 năm.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	528.709.916.496	109.788.178.530
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	6.093.868.039
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	11.438.203.813
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	-	44.989.488.585
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Bình Thạnh	-	387.719.874.292
Ngân hàng Indochina - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	127.505.691.581	303.981.477.480
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)	68.196.459.109	-
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	388.125.455.626	334.040.954.452
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	305.159.533.539	121.720.602.380
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	58.511.267.281
Vay dài hạn đến hạn trả	-	10.966.950.719
	1.417.697.056.351	1.389.250.865.571

(i) Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành tín dụng thư, không có tài sản đảm bảo. Lãi suất lãi tiền vay được xác định theo lãi suất do các ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân hoặc lãi suất điều chỉnh theo lãi suất thỏa thuận đối với các khoản vay bằng Đồng Việt Nam và từ 3% đến 5%/năm đối với các khoản vay bằng Đô la Mỹ (USD).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	49.726.604.510	763.761.688.644	792.460.526.643	21.027.766.511
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.333.767.129	93.344.172.604	80.731.233.831	35.946.705.902
Thuế thu nhập cá nhân	1.918.049.628	27.897.754.046	28.016.776.052	1.799.027.622
Thuế khác	4.410.733.535	8.393.347.382	12.507.644.010	296.436.907
	79.389.154.802	893.396.962.676	913.716.180.536	59.069.936.942

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	698.420.000.000	128.358.940.301	21.405.058.462	(2.812.000.000)	33.492.226.543	43.423.817.614	1.027.448.705	180.099.117.674	1.103.414.609.299
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	285.396.889.978	285.396.889.978
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	-	(6.338.605.990)	-	-	-	-	(6.338.605.990)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(111.297.279.400)	(111.297.279.400)
(Lỗ) từ công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	(887.590.039)	(887.590.039)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(33.492.226.543)	-	-	-	(33.492.226.543)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	-	-	-	17.626.480.239	-	-	-	17.626.480.239
Tạm phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ (ii)	-	-	12.303.376.214	-	-	23.994.781.302	-	(72.852.131.523)	(36.553.974.007)
Tạm phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	(29.786.324)	-	-	1.251.350.454	(187.720.361)	(6.303.416.935)	(5.269.573.166)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(381.085.294)	(381.085.294)
Số dư tại ngày 31/12/2011	698.420.000.000	128.358.940.301	33.678.648.352	(9.150.605.990)	17.626.480.239	68.669.949.370	839.728.344	273.774.504.461	1.212.217.645.077
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	212.564.050.432	212.564.050.432
Phân phối cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(1.840.855.924)	(72.603.158)	(19.937.656.009)	(21.851.115.091)
Trích bổ sung quỹ 2011 (i)	-	-	-	-	-	611.971.127	-	(4.383.568.342)	(3.771.597.215)
Tạm phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ (ii)	-	-	9.233.003.634	-	-	18.466.007.266	-	(42.407.589.235)	(14.708.578.335)
Chia cổ tức trong năm (iii)	-	-	-	-	-	-	-	(124.295.616.000)	(124.295.616.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(17.626.480.239)	-	-	-	(17.626.480.239)
Tạm phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	-	-	-	9.868.634.061	-	(16.560.684.582)	(6.692.050.521)
Công ty con sử dụng quỹ để bù đắp các khoản công nợ	-	-	-	-	-	-	(186.325.915)	-	(186.325.915)
Thay đổi do thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	-	-	5.564.073.290	5.564.073.290
Số dư tại ngày 31/12/2012	698.420.000.000	128.358.940.301	42.911.651.986	(9.150.605.990)	-	95.775.705.900	580.799.271	284.317.514.015	1.241.214.005.483

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết số 12/NQ-DVTHDK ngày 27 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty tạm trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng hoàn thành vượt kế hoạch từ lợi nhuận năm 2011 với số tiền tương ứng là 23.994.781.302 VND, 12.303.376.214 VND, 10.992.454.242 VND và 25.561.519.765 VND.

Theo Nghị quyết số 06/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 vào Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng hoàn thành vượt kế hoạch với số tiền tương ứng là 24.606.752.429 VND, 12.303.376.214 VND, 14.764.051.457 VND và 25.561.519.765 VND.

Do vậy, số còn phải trích bổ sung của Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được hạch toán vào Báo cáo tài chính năm 2012.

- (ii) Theo Nghị quyết số 06/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty tạm phân phối Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận từ lợi nhuận năm 2012 với số tiền tương ứng là 18.466.007.266 VND, 9.233.003.634 VND, 11.080.788.672 VND và 3.627.789.663 VND. Số chính thức sẽ được phê duyệt trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông năm 2013.

- (iii) Theo Nghị quyết số 06/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định mức chi trả cổ tức của năm 2011 với số tiền là 124.295.616.000 VND. Toàn bộ số cổ tức năm 2011 đã được thanh toán trong năm 2012.

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Tổng số cổ phần làm cổ phiếu quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 788.880 cổ phần với giá trị là 9.150.605.990 VND, trong năm không phát sinh giao dịch liên quan tới cổ phiếu quỹ.

	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.842.000	69.842.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.842.000	69.842.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	788.880	281.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	788.880	281.200
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.053.120	69.560.800
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.053.120	69.560.800
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300452060 điều chỉnh lần 13 ngày 27 tháng 11 năm 2012, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	246.092.850.000	35,24	246.092.850.000	35,24
Các cổ đông khác	452.327.150.000	64,76	452.327.150.000	64,76
	698.420.000.000	100	698.420.000.000	100

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vốn điều lệ	80.033.000.000	67.333.432.000
Quỹ đầu tư phát triển	2.574.532.029	578.562.453
Quỹ dự phòng tài chính	185.640.994	187.720.361
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	182.873.182
Lợi nhuận chưa phân phối	6.401.882.468	5.220.143.686
	89.195.055.491	73.502.731.682

19. BÁO CÁO BỘ PHẬNBộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 5 bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh hàng điện tử, bộ phận cung cấp thiết bị vật tư cho ngành dầu khí, bộ phận kinh doanh hạt nhựa và xơ sợi, bộ phận phân phối gas và bộ phận khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo năm bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của năm bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh hàng điện tử: phân phối hàng điện tử (chủ yếu là điện thoại di động, máy tính xách tay);

Bộ phận cung cấp thiết bị vật tư cho ngành dầu khí: cung cấp thiết bị, vật tư cho ngành dầu khí;

Bộ phận kinh doanh hạt nhựa và xơ sợi: hoạt động thương mại liên quan đến hạt nhựa PP và xơ sợi;

Bộ phận phân phối gas: phân phối, sang chiết gas, nhiên liệu hóa lỏng;

Bộ phận khác: các bộ phận kinh doanh khác tại Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Hàng điện tử		Vật tư thiết bị ngành dầu khí		Hạt nhựa		Phân phối Gas		Dịch vụ khác		Loại trừ		Tổng cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND
Tài sản													
Tài sản bộ phận	2.079.987.655.441		338.794.521.421		182.238.192.994		228.948.946.603		501.082.934.538		(771.840.883.896)		2.559.211.367.101
Tài sản không phân bổ	-		-		-		-		-		-		1.551.151.268.903
Tổng tài sản hợp nhất													4.110.362.636.004
Nợ phải trả													
Nợ phải trả bộ phận	1.586.599.158.617		312.223.450.940		195.383.228.908		205.577.376.420		402.645.313.314		(258.006.516.572)		2.444.422.011.627
Nợ phải trả không phân bổ	-		-		-		-		-		-		380.220.247.618
Tổng nợ phải trả hợp nhất													2.824.642.259.245

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Hàng điện tử		Vật tư thiết bị ngành dầu khí		Hạt nhựa, Xơ sợi		Phân phối Gas		Dịch vụ khác		Loại trừ		Tổng cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND
Tài sản													
Tài sản bộ phận	2.183.946.708.711		379.190.981.145		279.302.240.806		270.324.101.503		489.265.382.978		(778.918.288.190)		2.823.111.126.953
Tài sản không phân bổ	-		-		-		-		-		-		1.443.537.112.792
Tổng tài sản hợp nhất													4.266.648.239.745
Nợ phải trả													
Nợ phải trả bộ phận	2.011.598.521.340		348.601.095.313		266.936.625.666		199.056.226.534		217.373.383.078		(364.243.257.652)		2.679.322.594.279
Nợ phải trả không phân bổ	-		-		-		-		-		-		256.916.584.492
Tổng nợ phải trả hợp nhất													2.936.239.178.771

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Hàng điện tử	Vật tư thiết bị ngành dầu khí	Hạt nhựa	Phân phối Gas	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ							
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.618.775.469.682	534.752.646.503	1.207.565.933.275	676.318.927.980	1.395.782.457.503	(112.525.623.636)	10.320.669.811.307
Tổng doanh thu	6.618.775.469.682	534.752.646.503	1.207.565.933.275	676.318.927.980	1.395.782.457.503	(112.525.623.636)	10.320.669.811.307
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	5.977.213.611.583	493.461.986.692	1.166.138.014.021	651.393.671.237	1.101.014.878.481	(67.910.360.215)	9.321.311.801.799
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả kinh doanh bộ phận	641.561.858.099	41.290.659.811	41.427.919.254	24.925.256.743	294.767.579.022	(44.615.263.421)	999.358.009.508
Chi phí không phân bổ							464.613.712.094
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							534.744.297.414
Doanh thu từ các khoản đầu tư							95.058.539.524
Lợi nhuận khác							85.168.397.625
Chi phí tài chính							308.245.976.232
Lợi nhuận trước thuế							406.725.258.331
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							101.716.691.368
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							12.200.968.137
Lợi nhuận trong năm							292.807.598.826

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Hàng điện từ		Vật tư thiết bị ngành dầu khí		Hạt nhựa, Xơ sợi		Phân phối Gas		Dịch vụ khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ														
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.739.209.755.902		830.915.244.288		1.273.494.439.331		745.006.932.029		1.707.438.080.234		(142.264.660.233)		10.153.799.791.551	
Tổng doanh thu	5.739.209.755.902		830.915.244.288		1.273.494.439.331		745.006.932.029		1.707.438.080.234		(142.264.660.233)		10.153.799.791.551	
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	5.310.753.633.318		809.175.077.056		1.244.222.155.733		726.129.676.575		1.400.117.932.961		(96.811.602.166)		9.393.586.873.477	
Kết quả hoạt động kinh doanh														
Kết quả kinh doanh bộ phận	428.456.122.584		21.740.167.232		29.272.283.598		18.877.255.454		307.320.147.273		(45.453.058.067)		760.212.918.074	
Chi phí không phân bổ													419.468.283.588	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh													340.744.634.486	
Doanh thu từ các khoản đầu tư													82.544.198.857	
Lợi nhuận khác													27.387.893.201	
Chi phí tài chính													144.768.503.508	
Lợi nhuận trước thuế													305.908.223.036	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành													93.344.172.604	
Lợi nhuận trong năm													212.564.050.432	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	664.077.677.600	408.163.445.626
Chi phí nhân công	426.137.928.577	297.924.930.756
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.925.233.703	32.803.438.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.689.487.598	643.256.646.401
Chi phí khác bằng tiền	181.072.876.967	240.792.337.206
	1.621.903.204.445	1.622.940.798.623

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	39.621.047.347	46.174.622.248
Lãi chênh lệch tỷ giá	29.731.565.832	15.308.718.865
Cổ tức, lợi nhuận được chia	153.563.475	2.678.032.679
Lãi bán ngoại tệ	-	1.030.874.423
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	-	21.600.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.675.023.283	4.361.081.754
	80.181.199.937	91.153.329.969

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	103.154.269.027	157.036.923.986
Lỗ chênh lệch tỷ giá	26.233.528.424	132.199.105.653
Chi phí tài chính khác	15.380.706.057	19.009.946.593
	144.768.503.508	308.245.976.232

23. THU NHẬP KHÁC

	2012	2011
	VND	VND
Thu nhập khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi hình thức sở hữu	-	82.700.997.163
Thuế nhập khẩu được hoàn các năm trước	31.563.205.536	-
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	6.029.130.073	5.727.149.780
Khác	12.209.415.332	25.019.479.198
	49.801.750.941	113.447.626.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	305.908.223.036	406.725.258.331
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>	<i>69.269.332.472</i>	<i>35.726.481.983</i>
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	67.093.383.645	30.185.264.507
- Lỗ không tính thuế	2.175.948.827	5.541.217.476
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(2.387.918.772)</i>	<i>(4.431.442.462)</i>
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(4.431.442.462)
- Thu nhập từ cung cấp suất ăn ca cho người lao động (i)	(2.301.699.179)	-
- Điều chỉnh giảm khác	(86.219.593)	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	372.789.636.736	438.020.297.852
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25% x 50%</i>	<i>-</i>	<i>46.634.033.983</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25%</i>	<i>372.789.636.736</i>	<i>391.386.263.869</i>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	146.763.420	(1.959.128.847)
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	93.344.172.604	101.716.691.368
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	12.200.968.137
	93.344.172.604	113.917.659.505

(i) Thu nhập từ cung cấp suất ăn cho người lao động phát sinh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung - công ty con của Tổng Công ty được miễn thuế theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 140/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 8 năm 2012 về chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	212.564.050.432	292.807.598.826
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	187.806.049.616	285.396.889.978
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	69.053.120	69.488.882
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.720	4.107

26. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Quyết định số 2759/QĐ-CT-TTr1-N4 ngày 03 tháng 7 năm 2012 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh về việc “xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế” đối với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (“PSD”)) - công ty con của Tổng Công ty cho kỳ từ năm 2008 đến năm 2011, PSD sẽ bị truy thu thuế và phạt vi phạm pháp luật về thuế.

Do chưa thống nhất một số nội dung trong Quyết định xử phạt nêu trên, PSD đã gửi công văn tới Tổng Cục thuế để làm rõ vấn đề này. Hiện tại, Tổng Cục thuế đang trong quá trình xem xét và chưa có kết luận chính thức, theo đó PSD chưa phản ánh các nghĩa vụ này trên báo cáo tài chính. Việc xác định số thuế phải nộp bổ sung từ năm 2008 đến năm 2011 của PSD (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Tổng Cục thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

	<u>2012</u> <u>VND</u>	<u>2011</u> <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	27.711.106.473	21.437.325.390

Ngày 29 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty ký Phụ lục hợp đồng số 10020/2010/HĐ-DKVN thuê văn phòng làm việc và cho thuê với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại tòa nhà PetroVietnam số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng diện tích thuê giảm xuống còn 2.619,37 m² (ban đầu là 4.844,36 m²), thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010. Tổng số tiền Tổng Công ty phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chưa bao gồm thuế GTGT) là 185.727.354.531 VND.

Ngày 12 tháng 7 năm 2011, Tổng Công ty ký thêm Hợp đồng thuê văn phòng làm việc và cho thuê số 6211/2011/HĐ-DKVN với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, thuê thêm tầng 2 và một phần tầng 6 của tòa nhà PetroVietnam số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng diện tích thuê thêm là 2.224,99 m² số tiền thuê là 5.1174,77 Đô la Mỹ/tháng (tương đương 1.065.868.110 VND/ tháng).

Ngày 29 tháng 11 năm 2012, Tổng Công ty ký Phụ lục sửa đổi bổ sung cho Hợp đồng thuê văn phòng làm việc và cho thuê số 6211/2011/HĐ-DKVN với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng diện tích thuê là 2.224,99 m², số tiền thuê là 934.494.800 VND/tháng, phụ lục hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2012.

Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển - công ty con của Tổng Công ty ký hợp đồng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 1.245,86 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 420.000 VND/m²/tháng, thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 20 tháng 8 năm 2017.

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí - công ty con của Tổng Công ty ký hợp đồng với Viện Dầu khí Việt Nam để thuê 568 m² tại tầng 15, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội trong thời gian 50 năm kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2010.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2012</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2011</u> <u>VND</u>
Trong vòng một năm	29.812.770.064	21.068.988.489
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	98.238.642.151	69.709.919.647
Sau năm năm	626.422.859.389	709.406.787.192
	<u>754.474.271.604</u>	<u>800.185.695.328</u>

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản vay	1.417.697.056.351	1.434.925.540.837
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.129.910.129.741	363.906.568.157
Nợ thuần	287.786.926.610	1.071.018.972.680
Vốn chủ sở hữu	1.241.214.005.483	1.212.217.645.077
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,23</u>	<u>0,88</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.129.910.129.741	363.906.568.157
Các khoản đầu tư	2.000.000.000	112.670.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.083.055.629.148	1.066.351.738.715
Tài sản tài chính khác	7.369.500.650	4.295.245.883
Tổng cộng	<u>2.222.335.259.539</u>	<u>1.547.223.552.755</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.417.697.056.351	1.434.925.540.837
Phải trả người bán và phải trả khác	898.143.288.983	747.946.269.533
Chi phí phải trả	8.121.828.868	11.158.612.125
Công nợ tài chính khác	17.507.701.889	-
Tổng cộng	<u>2.341.469.876.091</u>	<u>2.194.030.422.495</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ: theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này hoặc nếu có thì chi phí mua quá cao, lớn hơn cả mức rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	134.670.153.531	116.842.691.735	1.584.784.988.833	1.218.033.213.553
Euro (EUR)	439.615.217	30.684.973	198.532.463	2.945.748.829
Bảng Anh (GBP)	6.826.048	513.039.133	-	-

Phân tích độ nhạy của ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ (USD), đồng tiền chung Châu Âu (EUR) và Bảng Anh (GBP). Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ này so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10%, trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty thay đổi như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Tăng 10%	(144.986.692.650)	(110.359.254.654)
Giảm 10%	144.986.692.650	110.359.254.654

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty biến động như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+200	(28.353.941.127)
VND	-200	28.353.941.127
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VND	200	(28.698.510.817)
VND	-200	28.698.510.817

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,... Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
31/12/2012	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.129.910.129.741	-	1.129.910.129.741
Các khoản đầu tư	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.083.055.629.148	-	1.083.055.629.148
Tài sản tài chính khác	323.726.620	7.045.774.030	7.369.500.650
	2.213.289.485.509	9.045.774.030	2.222.335.259.539
31/12/2012			
Các khoản vay	1.417.697.056.351	-	1.417.697.056.351
Phải trả người bán và phải trả khác	898.143.288.983	-	898.143.288.983
Chi phí phải trả	8.121.828.868	-	8.121.828.868
Công nợ tài chính khác	-	17.507.701.889	17.507.701.889
	2.323.962.174.202	17.507.701.889	2.341.469.876.091
Chênh lệch thanh khoản thuần	(110.672.688.693)	(8.461.927.859)	(119.134.616.552)
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
31/12/2011	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	363.906.568.157	-	363.906.568.157
Các khoản đầu tư	670.000.000	112.000.000.000	112.670.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.066.351.738.715	-	1.066.351.738.715
Tài sản tài chính khác	1.760.773.113	2.534.472.770	4.295.245.883
	1.432.689.079.985	114.534.472.770	1.547.223.552.755
31/12/2011			
Các khoản vay	1.389.250.865.571	45.674.675.266	1.434.925.540.837
Phải trả người bán và phải trả khác	711.428.225.214	36.518.044.319	747.946.269.533
Chi phí phải trả	11.158.612.125	-	11.158.612.125
	2.111.837.702.910	82.192.719.585	2.194.030.422.495
Chênh lệch thanh khoản thuần	(679.148.622.925)	32.341.753.185	(646.806.869.740)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công nợ tài chính lớn hơn tài sản tài chính với số tiền là 119.134.616.552 VND. Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là chấp nhận được. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012	2011
	VND	VND
Mua hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	14.484.003.169	15.928.147.163
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.653.172.195.378	1.077.790.758.088
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.900.000.000	15.048.613.125
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	147.780.275.000	92.766.647.621
Công ty Cổ phần PVI	-	728.144.781
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	17.484.839.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ an ninh Dầu khí Việt Nam	15.946.812.993	12.376.803.208
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	106.275.956.028	-
		-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	108.983.977.909	102.560.350.951
Viện Dầu khí Việt nam	24.408.131.002	30.365.045.739
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	19.246.060.356	25.462.695.101
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	11.615.132.245	21.685.152.078
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.989.708.422	6.759.675.651
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	5.126.717.968	4.186.293.143
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các Công ty thành viên	484.066.200.928	197.249.774.743
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ Phần	7.037.398.811	77.422.991.229
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	23.526.990.507	17.095.909.454
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	19.405.809.226	104.711.932.371
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	69.901.964.712	47.105.180.179
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	12.070.312.579	4.740.631.604
Công ty Cổ phần PVI	128.072.768	12.994.294.777
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	7.990.698.113	10.143.559.512
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.331.810.844	41.834.986.665
Trường đại học Dầu khí Việt Nam	3.534.848.008	3.695.060.125
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.213.831.881	842.022.806
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	11.011.144.073	2.382.324.209
Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình II	-	112.161.000
Ban quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	-	173.800.000
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	1.723.244.544
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	-	106.089.833
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	5.033.347.501	5.064.000
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	6.180.204.405	-
Vay vốn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	480.000.000.000	700.000.000.000
Trả nợ vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	498.930.229.527	700.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.935.445.434	10.927.350.520
Viện Dầu khí Việt nam	4.291.440.705	4.701.798.741
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.194.662.597	1.799.607.232
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	6.009.771.772	5.568.894.500
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	26.674.922.116	16.284.004.181
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	6.501.454.269	4.836.005.708
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.463.566.400	-
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	3.752.481.289	-
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.289.822.161	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	4.543.511.635	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ Phần	189.887.656.347	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các Công ty thành viên	24.532.318.063	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.479.401.660	-
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải	307.088.030.218	333.020.937.234
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	241.671.867.737	288.658.684.333
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ Phần	4.897.660.548	16.684.358.855
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	902.277.800	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	526.446.199	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	7.089.002.414	4.193.159.418
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.814.296.491	29.531.142.000
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	115.500.000	-
Viện Dầu khí Việt nam	6.968.647	-
Công ty Cổ phần PVI	101.298.721	371.906.259
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	830.497.256	305.821.428
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	301.950.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	9.200.577.116
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	5.950.227.439
Khoản vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	18.930.229.527

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	2012	2011
	VND	VND
Lương, thưởng và thu nhập khác	6.617.575.800	8.204.353.114
	6.617.575.800	8.204.353.114

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

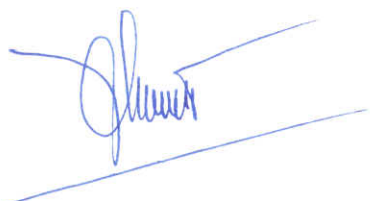
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 03/NQ-DVTHDK ngày 20 tháng 02 năm 2013, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty quyết định tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 với tỷ lệ là 10% trên vốn điều lệ.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.



Cao Thanh Hùng
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 3 năm 2013



Đào Văn Đại
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc